

BỘ NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BNV-CQĐP

Hà Nội, ngày tháng 8 năm 2025

V/v báo cáo tổng kết về tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố

Kính gửi: Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Thực hiện Quyết định số 1589/QĐ-TTg ngày 24/7/2025 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15, Bộ Nội vụ được giao chủ trì xây dựng dự thảo Nghị định của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố và chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố.

Để bảo đảm tiến độ, chất lượng hồ sơ dự thảo Nghị định phù hợp với tình hình thực tiễn của các địa phương khi thực hiện sắp xếp ĐVHC và tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, Bộ Nội vụ đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo xây dựng báo cáo tổng kết việc thực hiện các quy định về tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố; chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách, người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố và đề xuất, kiến nghị cụ thể những nội dung cần sửa đổi, bổ sung (*Đề cương chi tiết kèm theo*).

Báo cáo của quý Ủy ban đề nghị gửi về Bộ Nội vụ (Vụ Chính quyền địa phương) trước ngày 10/9/2025 để tổng hợp, nghiên cứu xây dựng hồ sơ dự thảo Nghị định.

Trân trọng cảm ơn sự quan tâm, phối hợp của quý Cơ quan./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Thứ trưởng Trương Hải Long;
- Lưu: VT, Vụ CQĐP.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Trương Hải Long

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH/THÀNH PHỐ....**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /BC- UBND

.....Ngàytháng.....năm 2025

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO

Tổng kết, đánh giá việc thực hiện các quy định về tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố và chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố, người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố
(Kèm theo Công văn số /BNV-CQĐP ngày / /2025 của Bộ Nội vụ)

Kính gửi: Bộ Nội vụ

Thực hiện Văn bản số /BNV-CQĐP ngày / /2025 của Bộ Nội vụ về việc tổng kết đánh giá thực hiện các quy định hiện hành¹ về tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố và chế độ, chính sách đối với người hoạt động ở thôn, tổ dân phố, UBND tỉnh/ thành phố báo cáo như sau:

I. KHÁI QUÁT CHUNG

Khái quát chung về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh/thành phố và việc triển khai thực hiện các quy định về tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố và chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố, người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố (gắn với việc thực hiện sắp xếp ĐVHC các cấp và tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, sắp xếp tổ chức chính trị - xã hội, hội quần chúng trên địa bàn).

II. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

1. Công tác chỉ đạo, điều hành triển khai thực hiện

2. Kết quả thực hiện

a) Về tổ chức của thôn, tổ dân phố (cụ thể việc bố trí số lượng Phó trưởng thôn, Tổ phó Tổ dân phố)

b) Về hoạt động của thôn, tổ dân phố (về việc thực hiện Nghị quyết của cộng đồng dân cư; bàn và biểu quyết để cấp có thẩm quyền quyết định những nội

¹Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31/8/2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố (đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 14/2018/TT-BNV ngày 03/12/2018; Thông tư số 05/2022/TT-BNV ngày 23/5/2022); Nghị định số 33/2018/NĐ-CP ngày 10/6/2018 của Chính phủ quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; Nghị định số 59/2023/NĐ-CP ngày 14/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở.

dung theo quy định của pháp luật; thực hiện dân chủ ở cơ sở; xây dựng và thực hiện quy chế, hương ước, quy ước của thôn, tổ dân phố; Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố và Phó Trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố; các nội dung khác...)

c) Về số lượng thôn, tổ dân phố và việc thành lập, sáp nhập, giải thể, đặt tên, đổi tên thôn, tổ dân phố

- Số lượng thôn, tổ dân phố (*số liệu tính đến thời điểm báo cáo theo Phụ lục 01 đính kèm*).

- Về điều kiện, quy trình thành lập mới, sáp nhập, giải thể; đặt tên, đổi tên, xóa tên thôn, tổ dân phố.

- Về việc ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện hành.

d) Về nhiệm vụ, quyền hạn; tiêu chuẩn của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Phó trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố.

đ) Về chế độ chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố hưởng phụ cấp hàng tháng; người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố hưởng hỗ trợ hàng tháng (*số liệu tính đến thời điểm báo cáo theo Phụ lục 02 đính kèm*)

- Về mức phụ cấp (*cụ thể mức theo quy định của Trung ương và theo Nghị quyết của HĐND cấp tỉnh, trong đó nêu rõ mức phụ cấp cao nhất, thấp nhất đối với từng chức danh người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố; mức hỗ trợ cao nhất, thấp nhất đối với người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố*).

- Về thực hiện kiêm nhiệm chức danh (*cụ thể quy định về chức danh kiêm nhiệm chức danh; mức phụ cấp kiêm nhiệm cao nhất, thấp nhất hiện hưởng*).

- Về việc triển khai sắp xếp, bố trí người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã về làm trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố khi thực hiện các Kết luận của Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Văn bản của Ban Chỉ đạo của Chính phủ về sắp xếp ĐVHC và tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp (*cụ thể số lượng đã bố trí đến thời điểm báo cáo; số lượng đã giải quyết chế độ chính sách, dự kiến phương án tiếp tục bố trí, sắp xếp giải quyết đến ngày 30/5/2026 nếu có*).

3. Đánh giá chung

a) Những kết quả đạt được

b) Những hạn chế, khó khăn

(*Đánh giá cụ thể những hạn chế, khó khăn đối với việc thực hiện từng nội dung tại mục 2 nêu trên gắn với việc thực hiện sắp xếp ĐVHC các cấp và tổ chức*

chính quyền địa phương 02 cấp, sắp xếp tổ chức chính trị xã hội, hội quần chúng trên địa bàn)

c) Nguyên nhân

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Đề xuất, kiến nghị cụ thể những nội dung quy định về tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố; phương án sắp xếp tổ chức lại thôn, tổ dân phố khi thực hiện sắp xếp ĐVHC và tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp.

1. Về tổ chức của thôn, tổ dân phố: đề xuất quy định về số lượng Phó trưởng thôn, Tổ Phó tổ dân phố; số lượng người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố; số lượng người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố; các tổ chức tự quản ở thôn, tổ dân phố cho phù hợp với đặc thù của địa phương trong giai đoạn tới.

2. Về nội dung hoạt động của thôn, tổ dân phố: đề xuất quy định về việc thực hiện Nghị quyết của cộng đồng dân cư; bản và biểu quyết của cộng đồng dân cư; thực hiện dân chủ ở cơ sở; xây dựng và thực hiện quy chế, hương ước, quy ước của thôn, tổ dân phố; Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố và Phó Trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố; các nội dung khác.

3. Về điều kiện, quy trình thành lập mới, sáp nhập, giải thể; đặt tên, đổi tên, xóa tên thôn, tổ dân phố và việc ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện hành: (1) đề xuất quy định về quy mô số hộ gia đình để thành lập thôn, tổ dân phố (*mức quy mô tối thiểu, tối đa hoặc giao địa phương quy định phù hợp với địa bàn*); (2) đề xuất cụ thể hướng sắp xếp, sáp nhập thôn, tổ dân phố phù hợp với năng lực quản lý của ĐVHC cấp xã (mới), bảo đảm tinh gọn và nâng cao hiệu quả hoạt động (*quy định mức quy mô phải sáp nhập hoặc giao địa phương chủ động xây dựng đề án sắp xếp bảo đảm tỷ lệ giảm theo định hướng của Chính phủ*); (3) đề xuất về quy trình và thành phần hồ sơ thành lập mới, sáp nhập, giải thể; đặt tên, đổi tên, xóa tên thôn, tổ dân phố... (*theo hướng cắt giảm và đơn giản hóa thành phần hồ sơ*).

4. Về nhiệm vụ, quyền hạn, tiêu chuẩn của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Phó trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố và việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Phó trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố: đề xuất cụ thể các tiêu chuẩn, quy trình (*trình độ chuyên môn, tiêu chuẩn điều kiện khác để nâng cao chất lượng Trưởng thôn, Tổ trưởng Tổ dân phố thời gian tới; đề xuất quy trình bầu, miễn nhiệm theo hướng đơn giản hóa quy trình thủ tục*).

5. Về chế độ chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố hưởng phụ cấp hàng tháng; người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố: đề xuất cụ thể mức khoán của Trung ương, hình thức khoán (*mức khoán theo loại thôn, tổ dân phố hay mức khoán theo từng cấp xã*) và cơ chế huy động các nguồn kinh phí khác để bảo đảm hoạt động của thôn, tổ dân phố.

6. Các nội dung kiến nghị khác để sắp xếp thôn, tổ dân phố và nâng cao hiệu quả hoạt động của thôn, tổ dân phố khi thực hiện sắp xếp ĐVHC và tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp.

Trên đây là báo cáo của UBND tỉnh/thành phố về tổng kết đánh giá thực hiện các quy định hiện hành và đề xuất, kiến nghị về tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố và chế độ, chính sách đối với người hoạt động ở thôn, tổ dân phố./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở Nội vụ tỉnh/ thành phố;
- Vụ CQĐP, BNV;
- Lưu...

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phụ lục 01

Tổng hợp số liệu về thôn, tổ dân phố

(Kèm theo Công văn số /BNV-CQĐP ngày /8/2025 của Bộ Nội vụ)

I. Số lượng thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh/thành phố.

Tổng số thôn, tổ dân phố			Quy mô số hộ gia đình (hộ) của thôn				Quy mô số hộ gia đình (hộ) của Tổ dân phố			
Tổng số	Số thôn	Số tổ dân phố	Dưới 150 hộ	Từ 150- dưới 350 hộ	Từ 350 đến 500 hộ	Trên 500 hộ	Dưới 300 hộ	Từ 300 đến 500 hộ	Từ 500 đến 1.000 hộ	Trên 1.000 hộ

II. Số lượng thôn, tổ dân phố ở đặc khu và xã đảo (Nếu có)

Số Thôn, Tổ dân phố ở đặc khu			Số thôn, Tổ dân phố ở ĐVHC được công nhận là xã đảo còn lại (không tính các đặc khu)		
Tổng số	Số thôn	Số Tổ dân phố	Tổng số	Số thôn	Số Tổ dân phố

III. Số lượng thôn, tổ dân phố ở khu vực biên giới; địa bàn trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự (Nếu có)

Số Thôn, Tổ dân phố ở khu vực biên giới (ĐVHC cấp xã đã được công nhận là xã biên giới đất liền theo quy định hiện hành)			Số thôn, Tổ dân phố thuộc ĐVHC được công nhận là trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự (không tính các trường hợp đã được công nhận là đặc khu, xã đảo, xã biên giới theo quy định hiện hành)		
Tổng số	Số thôn	Số Tổ dân phố	Tổng số	Số thôn	Số Tổ dân phố

Phụ lục 02

Tổng hợp người hoạt động không chuyên trách (HĐKCT) ở thôn, tổ dân phố và người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố

(Kèm theo Công văn số /BNV-CQĐP ngày /8/2025 của Bộ Nội vụ)

I. Số lượng người hoạt động HĐKCT; người tham gia hoạt động ở thôn, Tổ dân phố

Số người HĐKCT (trường hợp kiêm nhiệm thì chỉ tính ở một chức danh và ghi rõ chức danh kiêm nhiệm)					Số người tham gia hoạt động ở thôn, Tổ dân phố
Tổng số	Bí Thư chi bộ	Trưởng thôn/Tổ trưởng Tổ dân phố	Trưởng ban công tác mặt trận	Việc thực hiện kiêm nhiệm (Bí thư kiêm Trưởng thôn/ Tổ trưởng Tổ dân phố; Bí thư kiêm trưởng Ban công tác Mặt trận...)	Tổng số

II. Số lượng người HĐKCT ở cấp xã đã bố trí về thôn, tổ dân phố

Tổng số	Số đã giải quyết chế độ, chính sách	Số đã bố trí về thôn, tổ dân phố	Số còn lại

III. Chế độ, chính sách đối với người HĐKCT; người tham gia hoạt động ở thôn, Tổ dân phố

1. Người HĐKCT ở thôn, tổ dân phố

- Tổng mức phụ cấp chi cho người HĐKCT ở thôn, tổ dân phố theo mức khoán của trung ương của toàn tỉnh/ thành phố (trên một tháng và trên một năm).
- Tổng mức phụ cấp chi cho người HĐKCT ở thôn, tổ dân phố theo mức khoán của địa phương (trên một tháng và trên một năm).
- Mức phụ cấp trung bình trên một ĐVHC cấp xã; trên một thôn/tổ dân phố (trên một tháng và trên một năm).

2. Người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố

- Tổng mức hỗ trợ cho người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố theo mức khoán của địa phương của toàn tỉnh/thành phố (trên một tháng và trên một năm).
- Mức hỗ trợ trung bình trên một ĐVHC cấp xã; trên một ĐVHC cấp thôn/tổ dân phố (trên một tháng và trên một năm).

